

Bản án số: **216/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 12/04/2022

“V/v tranh chấp: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Hồng Lý**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đình Hiền**.

2. Ông **Phùng Văn Tầu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 606/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐ-HPT ngày 04/04/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T1** - sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT: số 117/36/6, tổ dân phố H, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: xóm 1, thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Bá V** - sinh năm 1981; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và hiện trú tại: số 117/36/6, tổ dân phố H, phường D, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

* *Về tình cảm*: Chị T1 và anh Nguyễn Bá V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) vào ngày 01/10/2003.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến tháng 08/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống không tìm được tiếng nói chung. Trong cuộc sống hàng ngày anh V thường xuyên cờ bạc, uống rượu say xỉn về nhà đánh chị T1, bản thân chị T1 đã phải nhiều lần đi viện cấp cứu và điều trị thương tích do bị anh V đánh. Sau mâu thuẫn vợ chồng và gia đình nội ngoại đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng đều không có kết quả. Ngày 19/8/2017, sau khi đánh chị T1 thì anh V đã viết cam kết có các chị X, Y, Z là hàng xóm và bạn chị T1 chứng kiến ký xác nhận. Nội dung là hứa không đánh chị T1 và uống rượu say nữa, nhưng sau đó anh V không thực hiện cam kết vẫn đi uống rượu rồi về nhà đánh chị T1. Đầu năm 2020 anh V làm đơn xin ly hôn với chị T1 nộp ra Tòa án, Tòa án đã thụ lý giải quyết, nhưng sau đó được Tòa án hòa giải thì anh V lại rút đơn về. Đến ngày 29/05/2020 do trong cuộc sống vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn nên anh V và chị T1 có viết đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn có chữ ký của cả hai vợ chồng, nhưng sau đó vì các con và cũng muốn vợ chồng có thêm thời gian hành hạnh phúc nên chị T1 đã không nộp đơn ra Tòa án. Tiếp đó, đến ngày 08/03/2021, sau khi uống rượu ở bên ngoài về thì anh V lại chửi bới, đánh đập chị T1, làm chị T1 phải đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông từ ngày 11/03/2021 đến 18/03/2021 thì ra viện, sau khi ra viện do bị anh V đánh vào mũi làm lệch vách ngăn mũi nên chị T1 cứ làm việc nặng thì máu mũi lại chảy không cầm được máu. Sau đó, chị T1 đã phải đi mổ chỉnh lại vách ngăn mũi tại bệnh viện Hồng Ngọc và bệnh viện Y Hà Nội. Quá trình chị T1 đi viện điều trị thương tích do anh V đánh thì anh V cũng không đến viện thăm nuôi, chăm sóc chị T1, mà ở nhà anh V vẫn uống rượu say. Sau khi ở viện về bản thân chị T1 nhận thấy sức khỏe bị giảm sút, thần kinh suy nhược, cùng với việc anh V vẫn uống rượu say, do sợ nguy hiểm đến tính mạng nên chị T1 đã ra ngoài thuê nhà để sống một mình từ tháng 10/2021 đến nay. Quá trình sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay thì mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, kinh tế riêng biệt.

Đến nay chị T1 nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ, bản thân chị T1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị T1 đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết cho chị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Bá V.

* *Về con chung*: Chị T1 và anh V 04 con chung là Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 29/06/2004, Nguyễn Bá H (nam) sinh ngày 13/11/2005, Nguyễn Thị Khánh Q1 (nữ) sinh ngày 24/08/2009 và Nguyễn Bá Minh Q2 (nam) sinh ngày

10/12/2011. Do điều kiện chị T1 vừa ra ngoài, nhà phải đi thuê để ở, bản thân làm lao động tự do nên nguồn thu nhập của chị T1 hiện không ổn định, nên chị T1 đề nghị Tòa án giao cả 04 con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, sau này khi nào điều kiện thu nhập của bản thân chị T1 khá hơn thì chị T1 xin nhận nuôi một hai con. Chị T1 xin được tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 04 con chung đối với anh V.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Ly hôn vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận về phân tài sản chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản chung.

* *Về nợ*: Ly hôn chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Bá V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo giao nộp chứng cứ, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh V đến Tòa án trình bày ý kiến và tham gia vào phiên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh V đều vắng mặt, không ra Tòa để tham gia phiên hòa giải cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên Tòa:

* Chị Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên các ý kiến về việc xin ly hôn, về tài sản chung, về nợ như chị đã trình bày ở trên, còn về con chung chị trình bày:

- Về con chung: Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải thì chị có đề nghị Tòa án giao cả 04 con chung cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Khánh Q1 (nữ) sinh ngày 24/08/2009 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, 03 con chung còn lại chị T1 đề nghị Tòa án giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

* Anh Nguyễn Bá V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T1 có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Bá V. Anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: số 117/36/6, tổ dân phố H, phường D, quận H,

thành phố Hà Nội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T1. Giải quyết cho chị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Bá V.

2. Về con chung: Xác nhận chị T1 và anh V có 04 con chung là Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 29/06/2004, Nguyễn Bá H (nam) sinh ngày 13/11/2005, Nguyễn Thị Khánh Q1 (nữ) sinh ngày 24/08/2009 và Nguyễn Bá Minh Q2 (nam) sinh ngày 10/12/2011. Ly hôn, giao cháu Nguyễn Thị Khánh Q1 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L, H, Q2 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi 03 con chung là cháu L, H, Q2 đối với chị T1 cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Bá V có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về nợ: Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị T1 có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Bá V. Anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: số 117/36/6, tổ dân phố H, phường D, quận H, thành phố Hà Nội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Thông báo giao nộp chứng cứ; Giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh V theo quy định của pháp luật nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt anh V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Bá V kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) vào ngày 01/10/2003, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T1 trình bày thì: Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, cách sống, lối sống trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có tiếng nói chung. Mỗi khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là anh V thường có hành vi bạo lực đối với chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần tự ngồi lại với nhau nói chuyện để hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh V không thay đổi nên không có kết quả. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng anh chị đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nộp đến Tòa án, được Tòa án thụ lý giải quyết và hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng từ đó đến nay thì tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mà ngày càng mâu thuẫn hơn, đỉnh điểm là vào ngày 08/03/2021, sau khi uống rượu ở bên ngoài về thì anh V lại chửi bới, đánh đập chị T1, làm chị T1 phải đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông từ ngày 11/03/2021 đến 18/03/2021 thì ra viện, sau khi ra viện do bị anh V đánh vào mũi làm lệch vách ngăn mũi nên chị T1 cứ làm việc nặng thì máu mũi lại chảy không cầm được máu. Do sợ anh V có những hành vi gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe nên chị T1 đã phải đi thuê nhà để sống một mình từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Quá trình sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay thì mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, kinh tế riêng biệt. Nay chị T1 vẫn cương quyết xin ly hôn anh V.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh V đến Tòa để lấy lời khai và tiến hành hòa giải để anh V thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như để chị T1, anh V có cơ hội trao đổi, bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc anh V cố tình không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị T1 và anh, thể hiện anh V cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh V đã xảy ra trong thời gian dài, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không có, anh V có

hành vi sử dụng bạo lực gia đình trong thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ thực trạng đời sống chung và quan hệ tình cảm của chị T1 và anh V, việc chị T1 xin ly hôn anh V là phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: khoản 1 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”, khoản 2 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp...” và tại Điều 21: “Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”. Với điều kiện hoàn cảnh của chị T1 và anh V thì không thể có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T1.

[3]. Về con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị T1 và anh V có 04 con chung là Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 29/06/2004, Nguyễn Bá H (nam) sinh ngày 13/11/2005, Nguyễn Thị Khánh Q1 (nữ) sinh ngày 24/08/2009 và Nguyễn Bá Minh Q2 (nam) sinh ngày 10/12/2011, hiện cả bốn con đang ở với anh V, các cháu đều khỏe mạnh, ngoan ngoãn. Ly hôn, chị T1 đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Khánh Q1 (nữ) sinh ngày 24/08/2009 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, còn 03 con chung còn lại chị đề nghị Tòa án giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Do hiện tại thu nhập không ổn định nên chị T1 xin được tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung đối với anh V.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của con. Mặt khác, cháu Nguyễn Thị Khánh Q1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, còn các cháu Nguyễn Thị Thùy L, Nguyễn Bá H, Nguyễn Bá Minh Q2 có nguyện vọng được ở với bố nên giao các cháu L, H và Q2 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Q1 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị T1, anh V, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do hiện tại thu nhập của chị T1 không ổn định nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi 03 con chung đối với chị T1 cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

[4]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5]. Về nợ: Chị T1 xác nhận chị và anh V không có khoản vay nợ nào chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết về nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

Quá trình giải quyết vụ án do anh V vắng mặt, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh V. Vì vậy, Tòa án không có cơ sở để xem xét về vấn đề tài sản và nợ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự thì vấn đề tài sản và nợ sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

[6]. Về án phí: Chị T1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Bá V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về tình cảm*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T1 đối với anh Nguyễn Bá V (chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn anh Nguyễn Bá V).

2. *Về con chung*: Xác nhận chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Bá V có 04 con chung là Nguyễn Thị Thùy L (nữ) sinh ngày 29/06/2004, Nguyễn Bá H (nam) sinh ngày 13/11/2005, Nguyễn Thị Khánh Q1 (nữ) sinh ngày 24/08/2009 và Nguyễn Bá Minh Q2 (nam) sinh ngày 10/12/2011. Ly hôn, giao cháu Nguyễn Thị Khánh Q1 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L, H, Q2 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi 03 con chung là cháu L, H, Q2 đối với chị T1 cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Bá V có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung* (gồm động sản và bất động sản): Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. *Về nợ*: Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

5. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 09563 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Chị T1 đã nộp đủ tiền án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* chị Nguyễn Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Bá V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan Thi hành án quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hồng Lý